

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2020/KDTM-PT
Ngày 17-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vận
chuyển và mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLPT-KDTM ngày 02/6/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vận chuyển và mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 01/2020/KDTM-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2020/QĐ-PT ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH L; địa chỉ: huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thiện L1, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/4/2019), vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ D);

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh P

Địa chỉ: tỉnh Bình Dương là đại diện theo uỷ quyền (là theo văn bản uỷ quyền ngày 24/3/2020), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị Thiên K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: huyện L1, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông nguyên thiện L1 trình bày:*

Ngày 09/5/2018, Công ty TNHH L (gọi tắt là Công ty L) và Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ D (gọi tắt là Công ty D) ký kết Hợp đồng kinh tế số 001/HDDVC-DDH-LPP về việc vận chuyển cát bê tông từ bãi cát N, bãi cát M về Khu công nghiệp R, giá vận chuyển là 90.000đ/m³. Ngoài ra, công ty L còn thỏa thuận việc mua cát giùm cho Công ty D và Công ty D bán dầu DO cho Công ty L. Các Hợp đồng được thực hiện như sau:

Về hợp đồng vận chuyển cát và mua dầu DO:

- Trong tháng 5/2018, Công ty L vận chuyển tổng cộng là 4.699m³ cát thành tiền là 422.910.000 đồng và Công ty L mua dầu DO của Công ty D tổng cộng là 7.393 lít với số tiền là 125.826.959 đồng. Số tiền mà Công ty D còn phải thanh toán là 297.082.101 đồng (theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/5/2018).

- Trong tháng 6/2018, Công ty L vận chuyển tổng cộng là 3.962m³ cát thành tiền là 356.580.000 đồng và Công ty L mua dầu DO của Công ty D tổng cộng là 7.906 lít với số tiền là 139.524.140 đồng (theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 30/6/2018).

- Trong tháng 7/2018, Công ty L vận chuyển tổng cộng là 5.453m³ cát thành tiền là 490.770.000 đồng và Công ty L mua dầu DO của Công ty D tổng cộng là 17.324 lít với số tiền là 302.454.680 đồng (theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/7/2018).

- Từ ngày 01 đến ngày 15/8/2018, Công ty L vận chuyển tổng cộng là 1.678m³ cát thành tiền là 151.020.000 đồng và Công ty L mua dầu DO của Công ty D tổng cộng là 2.306 lít với số tiền là 39.755.440 đồng (theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 15/8/2018).

Tổng cộng như sau:

+ Số tiền phí vận chuyển của Công ty L từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2018 tổng cộng là 1.421.276.841 đồng.

+ Số tiền mua dầu của Công ty L từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2018 tổng cộng là 607.561.288 đồng.

+ Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2018 Công ty D thanh toán tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Như vậy: Công ty D còn nợ công ty L số tiền tổng cộng là 513.715.553 đồng làm tròn là 513.715.000 theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/12/2018.

Về hợp đồng mua bán cát:

Công ty D không mua cát ở Bãi Toàn N được nên Công ty L bỏ tiền ra mua cát ở Bãi Toàn N rồi vận chuyển về bãi R để bán lại cho công ty D chủ yếu để lấy tiền vận chuyển, chi phí vận chuyển cát mua ở Bãi Toàn N có liệt kê trong các công nợ phải trả tháng 7, tháng 8/2018, còn tiền mua bán cát thì Công ty D chưa thanh toán hết còn nợ là 150.000.000 đồng.

- Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 29/8/2018, Công ty L mua cát giùm cho Công ty D với số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng; Công ty D đã thanh toán được với số tiền 200.000.000 đồng còn nợ lại số tiền là 300.000.000 đồng (theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018).

- Sau đó, Công ty D thanh toán cho Công ty L số tiền là 150.000.000 đồng, nay còn nợ lại là 150.000.000 đồng.

Căn cứ chứng minh cho hợp đồng mua bán cát với số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng là các phiếu nhập kho có thể hiện tên nhà cung cấp là Bãi Toàn N, lý do xuất: Mua (nhập), địa chỉ giao hàng là bãi R, đơn vị vận chuyển là xe Kim, tên vật tư hàng hóa và quy cách là cát vàng, số xe, thời gian từ ngày 29/7/2018 đến 06/8/2018, Bảng đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018, bản sao kê chuyển tài khoản 150.000.000 đồng, biên bản hòa giải thành tại Tòa án. Tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 20/12/2019, đại diện bị đơn đã đồng ý trả số tiền gốc của số tiền vận chuyển cát 513.715.000 đồng + tiền mua bán cát 150.000.000 đồng = 663.715.000 đồng, hai bên đồng ý làm tròn thành 660.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định, không tính lãi cho bị đơn. Nhưng sau đó, nguyên đơn không đồng ý vì muốn yêu cầu bị đơn trả đầy đủ gốc và trả lãi chậm trả.

Tổng cộng số tiền phí vận chuyển và tiền mua cát, Công ty D còn nợ Công ty L là:

513.715.000 đồng + 150.000.000 đồng = 663.715.000 đồng.

Công ty L đã nhiều lần yêu cầu Công ty D trả số tiền 663.715.000 đồng còn thiếu và lãi chậm trả, tuy nhiên Công ty D vẫn không thanh toán thêm cho Công ty L số tiền nào nữa.

Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D phải thanh toán tiền nợ gốc là 663.715.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo mức 10%/năm từ ngày 01/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.995.282 đồng làm tròn thành 100.995.000 đồng, tổng cộng là 764.710.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu từ chối đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn vì các bên đã có bản đối chiếu công nợ, phía bị

đơn không có thiện chí trả nợ cũng như không hợp tác trong quá trình tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Lê Minh P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, cụ thể ngày 09/05/2018 công ty L và công Ty D ký kết Hợp đồng kinh tế số 001/HDDVC-DDH-LPP về việc vận chuyển cát bê tông từ bãi cát N, bãi cát M về khu công nghiệp R bãi cát D và hiện tại đối với hợp đồng vận chuyển cát và mua dầu DO Công ty D còn nợ công ty L với số tiền 513.715.000đ (năm trăm mười ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/12/2018 nên đồng ý trả số tiền này và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với việc mua bán cát Công ty L khởi kiện nằm ngoài hợp đồng kinh tế số 001/HDDVC-DDH-LPP ngày 09/5/2018, tiền mua bán cát công Ty D không biết vì không có lưu nên bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đoàn Thị Thiên K trình bày:

Công ty L bán hàng mặt hàng cát số tiền là 500.000.000 đồng, công ty D đã thanh toán ngày 31/7/2018 số tiền 200.000.000 đồng, còn lại là 300.000.000 đồng, đã trả 150.000.000 đồng theo giấy sao kê tài khoản công ty D đã chuyển khoản số tiền 150.000.000 cho Bà Đoàn Thị Thiên K là người đại diện theo pháp luật của công ty L, còn lại là 150.000.000 đồng công ty D chưa thanh toán. K có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày chỉ đồng ý trả số tiền hợp đồng vận chuyển 513.715.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với hợp đồng mua bán cát với số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý vì hai bên không có hợp đồng mua bán cát với nhau, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ thể hiện đã trả số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện bị đơn không cung cấp thông tin cũng như hợp đồng với Bãi Toàn N vì không có mua bán cát với công ty này. Tại phiên hòa giải ngày 20/12/2019 đại diện bị đơn đồng ý hòa giải và trả số tiền 660.000.000 đồng là tiền vận chuyển cát chứ không phải tiền mua bán cát là vì muốn giải quyết nhanh vụ án.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH L đối với bị đơn Công ty TNHH MTV TM-DV D về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH MTV TM-DV D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền tổng cộng là 764.710.000 đồng, (bảy trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 663.715.000 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng), tiền lãi là 100.995.000 đồng (một trăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 24/3/2020 bị đơn Công ty TNHH MTV TM-DV D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ D) kháng cáo Bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 11/3/2020 của TAND thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 09/5/2018, Công ty L và Công ty D ký kết Hợp đồng số 001/HDDVC-DDH-LPP về việc vận chuyển cát bê tông. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/12/2018 Công ty D còn nợ Công ty L số tiền 513.715.513 đồng. Công ty D đồng ý trả số tiền này và tiền lãi theo yêu cầu của Công ty L. Theo nguyên đơn, giữa hai bên còn thỏa thuận việc Công ty L mua cát giùm cho Công ty D, đến nay Công ty D còn nợ số tiền 150.000.000 đồng. Công ty D không đồng ý trả số tiền này vì cho rằng không phát sinh từ Hợp đồng số 001/HDDVC-DDH-LPP nói trên, Công ty L không cung cấp được hóa đơn tài chính.

Xét thấy, theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018 được công ty D ký xác nhận số tiền mua hàng “cát” là 500.000.000 đồng, đã thanh toán 200.000.000, còn lại 300.000.000 đồng. Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do Công ty L cung cấp nhận thấy: Các “Phiếu nhập kho” thể hiện nội dung phù hợp với nội dung Bảng đối chiếu công nợ về công vận chuyển cát ngày 31/7/2018 và 15/8/2018 về tên nhà cung cấp (nơi lấy) là Bãi T N, số xe, đơn vị tính, thời gian giao, nơi giao cát; Công ty L đã tính chi phí vận chuyển cát này trong các công nợ ngày 31/7/2018 và 15/8/2018; Thời gian lập các phiếu nhập kho là từ ngày 29/7/2018 đến 06/8/2018 là phù hợp với thời gian theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018 về mặt hàng “cát”. Theo bản sao kê tài khoản của Bà Đoàn Thị Thiên K là đại diện theo pháp luật của Công ty L thì ngày 31/8/2018 Công ty D chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp với trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn đã thanh toán thêm 150.000.000 sau khi đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018. Từ những nội dung phân tích trên, có căn cứ xác định việc giữa Công ty L và Công ty D có xác lập quan hệ mua bán cát và Công ty D còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bị đơn Công ty D kháng cáo một phần bản án: Không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng vì Công ty L không cung cấp được hóa đơn tài chính và đề

ngihtách nội dung “tranh chấp nợ tiền mua giùm hàng hóa” thành một vụ án khác. Nhận thấy, theo nội dung phân tích ở trên là có căn cứ xác định giữa hai bên có xác lập quan hệ mua bán cát, việc mua bán cát giữa Công ty L và Công ty D diễn ra đồng thời với việc thực hiện hợp đồng vận chuyển cát mà hai bên đã ký kết. Do đó, Tòa án thụ lý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết trong cùng một vụ án là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, do đó kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ D), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Nguyễn thiện L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Đoàn Thị Thiên K vắng mặt. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự trên đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông L1 và K.

[2] Về nội dung:

Ngày 09/5/2018, Công ty L và Công ty D ký kết Hợp đồng kinh tế số 001/HDDVC-DDH-LPP về việc vận chuyển cát bê tông từ bãi cát N, bãi cát M về Khu công nghiệp R bãi cát D giá vận chuyển là 90.000đ/m³. Ngoài ra, Công ty L còn thỏa thuận việc mua cát giùm cho Công ty D và Công ty D bán dầu DO cho Công ty L.

[2.1] Đối với hợp đồng vận chuyển hàng hóa: Bị đơn đồng ý trả số tiền còn nợ 513.715.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 14/12/2018 và tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn, các đương sự không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị về phần này nên đã phát sinh hiệu lực.

[2.2] Đối với hợp đồng mua bán cát:

Bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện nằm ngoài Hợp đồng kinh tế số 001/HDDVC-DDH-LPP ngày 09/5/2018, tiền mua bán cát Công ty D không biết vì không có lưu nên bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền 150.000.000 đồng.

Xét thấy, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/8/2018 (bút lục 41) thể hiện Công ty L bán mặt hàng cát số tiền là 500.000.000 đồng, Công ty D đã

thanh toán ngày 31/7/2018 số tiền 200.000.000 đồng, còn lại là 300.000.000 đồng. Như vậy, mặc dù nguyên đơn và bị đơn không có hợp đồng mua bán cát nhưng trên thực tế hai bên đã thực hiện việc mua bán, đã đối chiếu công nợ và bản đối chiếu công nợ này do người đại diện theo pháp luật của hai công ty ký nên có căn cứ xác định tính đến ngày 29/8/2018, Công ty D còn nợ Công ty L số tiền mua cát là 300.000.000 đồng.

Bà Đoàn Thị Thiên K là người đại diện theo pháp luật của Công ty L xác nhận ngày 30 và ngày 31/8/2018, Công ty D đã chuyển tiền vào tài khoản của k số tiền 150.000.000 đồng để thanh toán số tiền cát còn nợ Công ty L (bút lục 202).

Như vậy, công nợ được đối chiếu ngày 29/8/2018 (bút lục 41) tính đến ngày 01/9/2018 Công ty D đã thanh toán 350.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng chưa thanh toán. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng (tiền gốc) và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền này từ ngày 01/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/3/2020) là có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L đối với bị đơn Công ty D về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển và mua bán hàng hóa, tổng cộng là 764.710.000 đồng, trong đó tiền gốc là 663.715.000 đồng, tiền lãi là 100.995.000 đồng là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã có tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại;
- Điều 293 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D).

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH L đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D) về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D) phải thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền tổng cộng là 764.710.000 đồng, trong đó tiền gốc là 663.715.000 đồng, tiền lãi là 100.995.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH L không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH L số tiền 16.045.500 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0034070 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D) phải chịu 34.588.400 đồng.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ D (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D) phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0041701 ngày 03/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Hữu Xuân

Các Thẩm phán thành viên

Thẩm phán chủ tọa

Nguyễn Đắc Cường - Huỳnh Văn Luật

Thái Thị Hữu Xuân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Tổ HCTP;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hữu Xuân